

Superior Court of Washington, County of _____
Tòa Thượng Thẩm Washington, Quận _____

In re:
Về việc:

Petitioner/s (person/s who started this case):
(Các) Nguyên Đơn ((những) người đã khởi
đầu vụ án này):

And Respondent/s (other party/parties):
Và (Các) Bị Đơn ((các) bên còn lại):

No. _____
Số _____

Restraining Order
Lệnh Cấm

Temporary (TMRO)
Tạm thời (TMRO)

Final (RSTO)
Cuối cùng (RSTO)

Clerk's action required: 6, 7

Việc lục sự cần làm: 6, 7

Surrender Weapons Ordered: yes no
Giao Nộp Vũ Khí Theo Lệnh: [-] có [-] không

Restraining Order
Lệnh Cấm

This order replaces all earlier Restraining Orders with the same Restrained Person, issued under this case number.

Lệnh này thay thế tất cả các Lệnh Cấm trước đó với cùng một Người Bị Ngăn Cấm, được ban hành theo số vụ án này.

1. This Order restrains (name):
Lệnh này ngăn cấm (tên):

Restrained Party's distinguishing features:
Đặc điểm nổi bật của Bên Bị Ngăn Cấm:

Restrained Party's Identifiers
Thông Tin Nhận Dạng Của Bên Bị Ngăn Cấm

Sex Giới tính	Race Chủng tộc	Hair Tóc
Height Chiều cao	Weight Cân nặng	Eyes Mắt

Caution: Access to weapons: yes no unknown

Chú Ý: Khả năng tiếp cận vũ khí: [-] có [-] không [-] không biết

2. This Order protects (name/s): _____
and the following children, who are under 18 (if any)

**Lệnh này bảo vệ ((các) tên)
và trẻ em sau đây, dưới 18 tuổi (nếu có)**

Child's name Tên con	Age Tuổi	Child's name Tên con	Age Tuổi
1.		2.	
3.		4.	

**3. To the Restrained Person listed in 1:
Gởi Người Bị Ngăn Cấm được liệt kê ở 1:**

*This Order starts immediately, and ends in 12 months or on (date): _____
Lệnh này bắt đầu ngay lập tức và kết thúc sau 12 tháng hoặc vào (ngày):*

Warning! You must obey this order. Violation of this order with actual notice of its terms is a **criminal offense** under Chapter 7.105 RCW and will subject the violator to arrest (RCW 7.105.450). This order is enforceable in all 50 U.S. states, the District of Columbia, and U.S. territories and tribal lands (18 U.S.C. § 2265).

Cảnh Báo! Quý vị phải tuân theo lệnh này. Sự vi phạm lệnh này với thông báo thực tế về các điều khoản của lệnh là hành vi phạm tội hình sự theo Chương 7.105 RCW và người vi phạm sẽ bị bắt giữ (RCW 7.105.450). Lệnh này có hiệu lực thi hành ở tất cả 50 tiểu bang của Hoa Kỳ, District of Columbia, cũng như các vùng lãnh thổ và vùng đất bộ lạc của Hoa Kỳ (18 U.S.C. § 2265).

**4. Findings
Các Sự Việc Được Xác Nhận**

Authority: The court has jurisdiction over the parties, the children listed in **2**, and the subject matter.

Thẩm Quyền: Tòa án có thẩm quyền đối với các bên, trẻ em được liệt kê ở **2** và vấn đề.

Notice: The Restrained Person had reasonable notice and an opportunity to be heard. They were notified of the hearing by personal service service by mail allowed by the court service by publication allowed by the court.

Thông Báo: Người Bị Ngăn Cấm đã được thông báo hợp lý và có cơ hội được xét xử. Họ đã được thông báo về phiên xét xử bằng cách tổng đạt cá nhân tổng đạt thư qua đường bưu điện được tòa án cho phép tổng đạt bằng cách công bố được tòa án cho phép.

The Restrained Person was was not present at the hearing.
Người Bị Ngăn Cấm đã có mặt đã không có mặt tại phiên xét xử.

The Restrained Person had actual notice of the hearing.
Người Bị Ngăn Cấm đã được thông báo thực tế về phiên xét xử.

other (specify): _____

khác (nêu rõ): _____

Credible Threat: The Restrained Person represents a credible threat to the physical safety of the Protected Person.

Sự Đe Đọa Đáng Tin: Người Bị Ngăn Cấm thể hiện sự đe dọa đáng tin đối với việc an toàn thể chất của Người Được Bảo Vệ.

Intimate Partner: The Restrained Person and the Protected Person are/were intimate partners because they are (check all that apply):

Bạn Tình Thân Mật: Người Bị Ngăn Cấm và Người Được Bảo Vệ là/đã là bạn tình thân mật bởi vì họ (đánh dấu tất cả mục thích hợp):

- current or former spouses or domestic partners.
vợ chồng trước đây hoặc hiện tại hay bạn tình sống chung.
- parents of a child-in-common (unless a child was conceived through sexual assault).
cha mẹ của một con chung (trừ khi trẻ được thụ thai do bị tấn công tình dục).
- current or former dating relationship (age 13 or older) and
 never lived together. live or have lived together.
*mối quan hệ hẹn hò trước đây hoặc hiện tại (từ 13 tuổi trở lên) và
[-] chưa bao giờ sống chung với nhau. [-] sống hoặc đã sống chung với nhau.*

- Military:** The (check one): Petitioner Respondent lives in the state of Washington, but was not able to go to the hearing because they are an active-duty member of the National Guard or Reserves (or a dependent of one). A failure to act despite the absence of the service member will result in a manifest injustice to the other party.

Quân Đội: (đánh dấu một mục): [-] Nguyên đơn [-] Bị đơn sống ở tiểu bang Washington, nhưng không thể tham dự phiên xét xử bởi vì họ là thành viên đang tại ngũ thuộc Lực Lượng Vệ Binh Quốc Gia hoặc Lực Lượng Dự Bị (hay người phụ thuộc của một người). Việc không hành động mặc dù thành viên tại ngũ vắng mặt sẽ dẫn đến sự bất công rõ ràng đối với bên còn lại.

**5. Court Orders to the Restrained Person listed in 1:
Lệnh Tòa dành cho Người Bị Ngăn Cấm được liệt kê ở 1:**

Warning! You **must** obey this order until it ends. If you know about this order but do not obey, you may be arrested and charged with a crime.

Cảnh Báo! Quý vị **phải** tuân theo lệnh này cho đến khi lệnh chấm dứt. Nếu quý vị biết về lệnh này nhưng không tuân theo, quý vị có thể bị bắt và bị buộc tội.

**Do not disturb
Không làm phiền**

Do not disturb the peace of the Protected Person or of any child listed in **2**.

*Không làm phiền sự yên bình của Người Được Bảo Vệ hoặc của bất kỳ trẻ em nào được liệt kê ở **2**.*

**Stay away
Tránh xa**

Do not go onto the grounds of or enter the Protected Person's home, workplace, vehicle, or school, or the daycare or school of any child listed in **2**.

*Không đi vào khuôn viên hoặc vào nhà, nơi làm việc, xe cộ hoặc trường học của Người Được Bảo Vệ hoặc nhà trẻ hay trường học của bất kỳ trẻ nào được liệt kê ở **2**.*

- Do not knowingly go or stay within _____ feet of the Protected Person's home, vehicle, workplace, school, or the daycare or school of any child listed in **2**.

*Không cố ý đi vào hoặc ở trong phạm vi [-] feet từ nhà, nơi làm việc, xe cộ hoặc trường học của Người Được Bảo Vệ hoặc nhà trẻ hay trường học của bất kỳ trẻ nào được liệt kê ở **2**.*

Do not hurt or threaten
Không làm tổn thương hoặc đe dọa

Warning! If the court checks this box, the court must consider if weapons restrictions are required by state law; federal law may also prohibit the Restrained Person from possessing firearms or ammunition.

Cảnh Báo! Nếu tòa án đánh dấu vào ô này, tòa án phải xem xét liệu luật tiểu bang có yêu cầu ngăn cấm vũ khí hay không; luật liên bang cũng có thể cấm Người Bị Ngăn Cấm sở hữu súng hoặc đạn dược.

Do not:

Không:

- Assault, harass, stalk, or molest the Protected Person or any child listed in **2**; or
*Tấn công, quấy rối, lén theo hoặc làm phiền Người Được Bảo Vệ hoặc bất kỳ trẻ nào được liệt kê ở **2**; hoặc*
- Use, try to use, or threaten to use physical force against the Protected Person or children that would reasonably be expected to cause bodily injury.
Sử dụng, cố sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực đối với Người Được Bảo Vệ hoặc trẻ em có khả năng gây tổn thương cơ thể một cách hợp lý.

Prohibit weapons and order surrender (separate order required)
Nghiêm cấm vũ khí và ra lệnh giao nộp (yêu cầu có lệnh riêng)

The Restrained Person must:

Người Bị Ngăn Cấm phải:

- Immediately surrender to law enforcement all firearms, dangerous weapons, and concealed pistol licenses in the party's custody, control, or possession;
Ngay lập tức giao nộp cho cơ quan thực thi pháp luật tất cả các loại súng, vũ khí nguy hiểm và giấy phép sử dụng súng lục được giấu kín do bên này quản lý, kiểm soát hoặc sở hữu;
- Not access, possess, have in their custody or control, purchase, receive, or attempt to purchase or receive firearms, other dangerous weapons, or concealed pistol licenses; and
Không tiếp cận, sở hữu, quản lý hoặc kiểm soát, mua, nhận hoặc cố mua hay nhận súng, vũ khí nguy hiểm khác hoặc giấy phép sử dụng súng lục được giấu kín; và
- Comply with the **Order to Surrender and Prohibit Weapons** (form WS 001) filed separately.
*Tuân thủ **Lệnh Giao Nộp và Cấm Vũ Khí** (mẫu đơn WS 001) được nộp riêng.*

Findings – The court (*check all that apply*):

Các Sự Việc Được Xác Nhận – Tòa án (đánh dấu tất cả mục thích hợp):

must issue the orders referred to above because:
phải ban hành các lệnh nêu trên bởi vì:

the court ordered the **do not hurt or threaten** restraints above and the court finds that the restrained person had **actual notice** and an **opportunity to participate**. AND:

tòa án đã ra lệnh **không làm tổn thương hoặc đe dọa** các biện pháp ngăn cấm nêu trên và tòa án nhận thấy rằng người bị ngăn cấm đã được **thông báo thực tế** và có **cơ hội tham gia**. VÀ:

- the Restrained Person represents a **credible threat** to the physical safety of a protected person, OR
*Người Bị Ngăn Cấm thể hiện **sự đe dọa đáng tin** đối với việc an toàn thể chất của Người Được Bảo Vệ, HOẶC*
- This order explicitly prohibits the use, attempted use, or threatened use of **physical force** against any protected person.
*Lệnh này nghiêm cấm rõ ràng việc sử dụng, cố sử dụng hoặc đe dọa sử dụng **vũ lực** đối với bất kỳ người được bảo vệ nào.*

Therefore, the weapons restrictions are required by state law. RCW 9.41.800(2).

Do đó, bắt buộc ngăn cấm sử dụng vũ khí theo luật của tiểu bang. RCW 9.41.800(2).

[] the court finds by a preponderance of the evidence that the Restrained Person:

tòa án nhận thấy dựa trên bằng chứng chiếm ưu thế hơn cho thấy Người Bị Ngăn Cấm:

[] has used, displayed, or threatened to use a firearm or other dangerous weapon in a felony; or
đã sử dụng, phô bày hoặc đe dọa sử dụng súng hoặc vũ khí nguy hiểm khác để phạm trọng tội; hoặc

[] is ineligible to possess a firearm under RCW 9.41.040.
không hội đủ điều kiện sở hữu súng theo RCW 9.41.040.

[] **may** issue the orders referred to above because the court finds by a preponderance of the evidence that the Restrained Person presents a serious and imminent threat to public health or safety, or the health or safety of any individual by possessing a firearm or other dangerous weapon.
***Có thể** ban hành các lệnh được đề cập trên đây vì tòa án nhận thấy rằng dựa trên bằng chứng chiếm ưu thế hơn cho thấy Người Bị Ngăn Cấm gây ra mối đe dọa nghiêm trọng và sắp xảy ra đối với sức khỏe hoặc an toàn công cộng, hay sức khỏe hoặc sự an toàn của bất kỳ cá nhân nào bằng cách sở hữu súng hoặc vũ khí nguy hiểm khác.*

[] **Other restraining orders:** _____

Các lệnh cấm khác:

6. **Washington Crime Information Center (WACIC) and Other Data Entry Trung Tâm Thông Tin Tội Phạm Washington (WACIC) và Nhập Dữ Liệu Khác**

Clerk's Action. The court clerk shall forward a copy of this order immediately to the following law enforcement agency (*county or city*) _____
(**check only one**): [] Sheriff's Office or [] Police Department (*List the same agency that entered the temporary order, if any*)

Việc Lục Sự Làm. Lục sự tòa án sẽ chuyển tiếp ngay bản sao lệnh này đến cơ quan thực thi pháp luật sau đây (*quận hoặc thành phố*)

(**đánh dấu chỉ một mục**): [-] Văn Phòng Cảnh Sát Trưởng hoặc [-] Sở Cảnh Sát (Liệt kê cùng một cơ quan đã ban hành lệnh tạm thời, nếu có)

This agency shall enter this order into WACIC and National Crime Info. Center (NCIC). Cơ quan này sẽ nhập lệnh này vào WACIC và Trung Tâm Thông Tin Tội Phạm Quốc Gia (NCIC).

7. Service Cần Phải

- [] **Required.** The Restrained Person must be served with a copy of this order.
Tổng Đạt. Người Bị Ngăn Cấm phải được tổng đạt một bản sao lệnh này.

Important! The Protected Person has a right to have law enforcement serve this order free of charge if the “Do not disturb,” “Stay away,” “Do not hurt or threaten,” or “Prohibit weapons and order surrender” boxes are checked above.

Quan Trọng! Người Được Bảo Vệ có quyền yêu cầu cơ quan thực thi pháp luật tổng đạt lệnh này miễn phí nếu đánh dấu các ô trên đây “Không làm phiền”, “Tránh xa”, “Không làm tổn thương hoặc đe dọa” hoặc “Nghiêm cấm vũ khí và lệnh giao nộp”.

- [] The **law enforcement agency** where the Restrained Person lives or can be served shall serve the Restrained Person with a copy of this order and shall promptly complete and return proof of service to this court.

Cơ quan thực thi pháp luật nơi Người Bị Ngăn Cấm sống hoặc có thể được tổng đạt sẽ tổng đạt cho Người Bị Ngăn Cấm một bản sao lệnh này và phải nhanh chóng hoàn tất và gửi lại bằng chứng tổng đạt cho tòa án này.

Law enforcement agency: (county or city) _____
(check only one): [] Sheriff’s Office or [] Police Department
Cơ quan thực thi pháp luật: (quận hoặc thành phố)
(đánh dấu chỉ một mục): [-] Văn Phòng Cảnh Sát Trưởng hoặc [-] Sở Cảnh Sát

- [] The **Protected Person** shall make private arrangements for service.
(This is only an option if surrender of weapons is **not** ordered)
Người Được Bảo Vệ phải sắp xếp việc tổng đạt một cách riêng tư.
(Đây chỉ là một tùy chọn nếu **không** có lệnh giao nộp vũ khí)

After serving, the server fills out a *Proof of Personal Service* (form FL All Family 101) and gives it to you. File the original *Proof of Personal Service* with the court clerk, and give a copy to the law enforcement agency listed in section 6 above.

Sau khi tổng đạt, người tổng đạt phải điền vào Bảng Chứng Tổng Đạt Cá Nhân (mẫu đơn FL Tất cả gia đình 101) và cung cấp bằng chứng này cho quý vị. Nộp bản gốc Bảng Chứng Tổng Đạt Cá Nhân cho lục sự tòa án và cung cấp một bản sao cho cơ quan thực thi pháp luật được liệt kê ở 6 trên đây.

Clerk’s Action. The court clerk shall forward a copy of this order on or before the next judicial day to the agency and/or person checked above. The court clerk shall also provide a copy to the Protected Person.

Việc Lục Sự Làm. Lục sự tòa án sẽ chuyển tiếp một bản sao lệnh này vào hoặc trước ngày xét xử tiếp theo cho cơ quan và/hoặc người được đánh dấu trên đây. Lục sự tòa án cũng phải cung cấp một bản sao cho Người Được Bảo Vệ.

Not required. The Restrained Person does not have to be served because the Restrained Person or their lawyer signed this order, or was at the hearing when this order was made and the court finds sufficient notice.

Không bắt buộc. Người Bị Ngăn Cấm không cần phải được tổng đạt bởi vì Người Bị Ngăn Cấm hoặc luật sư của họ đã ký lệnh này hoặc có mặt tại phiên xét xử khi lệnh này được ban hành và tòa án nhận thấy có thông báo đầy đủ.

**Ordered.
Lệnh.**

Date
Ngày

Time
Giờ

Judge or Commissioner
Thẩm Phán hoặc Ủy Viên

Petitioner and Respondent or their lawyers fill out below.

Nguyên Đơn và Bị Đơn hoặc luật sư của họ điền vào phần dưới đây.

This order (*check any that apply*):

Lệnh này (đánh dấu vào bất kỳ mục nào thích hợp):

is an agreement of the parties
là sự thỏa thuận của các bên

is presented by me
được tôi trình bày

may be signed by the court without notice to me
có thể được tòa án ký mà không cần thông báo cho tôi

This order (*check any that apply*):

Lệnh này (đánh dấu vào bất kỳ mục nào thích hợp):

is an agreement of the parties
là sự thỏa thuận của các bên

is presented by me
được tôi trình bày

may be signed by the court without notice to me
có thể được tòa án ký mà không cần thông báo cho tôi

Petitioner signs here or lawyer signs here + WSBA #
Nguyên đơn ký vào đây **hoặc** luật sư ký vào đây + WSBA #

Respondent signs here or lawyer signs here + WSBA #
Bị đơn ký vào đây **hoặc** luật sư ký vào đây + WSBA #

Print Name
Viết In Tên

Date
Ngày

Print Name
Viết In Tên

Date
Ngày

Important! Protected Person: you must fill out a Law Enforcement and Confidential Information form, PO 003, and give it to the court clerk.

Quan Trọng! Người Được Bảo Vệ: quý vị phải điền vào mẫu đơn Thực Thi Pháp Luật và Thông Tin Bí Mật, PO 003, và cung cấp cho lục sự tòa án.